

Số:1776 /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 5545/BGDĐT-QLCL ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi ĐGNLNN theo các định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn thu học phí, lệ phí của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2023 như sau:

1. Lịch thi và thời hạn đăng ký dự thi

TT	Lịch thi	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Thời hạn nộp hồ sơ và lệ phí thi
01	07 và 08/01/2023	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	19/12/2022-23/12/2022
02	11 và 12/3/2023	Tiếng Anh Tiếng Nga, Pháp, Trung	VSTEP.3-5/ ĐGNLNN	13/02/2023-17/02/2023
03	01 và 02/4/2023	Tiếng Anh	VSTEP.2/ VSTEP.3-5	13/3/2023-17/3/2023
04	13 và 14/5/2023	Tiếng Anh Tiếng Nga, Pháp, Trung	VSTEP.3-5/ ĐGNLNN	17/4/2023-21/4/2023

2. Số lượng thí sinh dự thi

Nhà trường bảo lưu quyền:

- Không tổ chức thi ĐGNL tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung khi số lượng đăng ký dự thi dưới 05 thí sinh/ngoại ngữ.
- Không tổ chức thi ĐGNL tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 khi số lượng đăng ký dự thi dưới 100 thí sinh.
- Không tổ chức thi ĐGNL tiếng Anh bậc 2 khi số lượng đăng ký dự thi dưới 15 thí sinh.

3. Đối tượng dự thi:

Các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc có nhu cầu được cấp chứng chỉ ngoại ngữ/ giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

- a) Có hồ sơ đăng ký dự thi hợp lệ; đóng đầy đủ lệ phí thi.
- b) Không trong thời gian bị cấm tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trên toàn quốc trong 02 năm tiếp theo đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau:
 - Để người khác thi hộ hoặc làm bài thi hộ cho người khác dưới mọi hình thức;
 - Có hành động gây rối, phá hoại kỳ thi; hành hung người tổ chức thi hoặc thí sinh khác.

4. Lệ phí dự thi: 1.800.000 VNĐ

5. Hồ sơ đăng ký dự thi

- Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh 4cm × 6cm (*Phụ lục 1*)
- 02 ảnh cỡ 4cm × 6cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi, mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày sinh.
- 01 bản sao công chứng một trong những loại giấy tờ tùy thân còn hiệu lực mà thí sinh sẽ sử dụng trong kỳ thi: chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu.

** Ghi chú: Thí sinh mang theo bản gốc giấy tờ tùy thân để đối chiếu khi nộp hồ sơ dự thi.*

6. Hình thức nộp hồ sơ và lệ phí thi:

Nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

6.1. Nộp trực tiếp

Thí sinh trực tiếp đến đăng ký thi, nộp hồ sơ và lệ phí thi tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNH trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần (trừ các ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết).

6.2. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện

BƯỚC 1: Chuyển khoản lệ phí dự thi vào số tài khoản **1507201059468** - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Cầu Giấy; tên tài khoản: **Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN**; Nội dung: **Họ tên_Ngày sinh_Ngoại ngữ_Trình độ_Ngày thi_Số điện thoại**

VD: Nguyen Van Minh 12.10.2001 Anh B3 thi 13 và 14.5.2023 DT0913xxx888

BƯỚC 2: Gửi Hồ sơ đăng ký dự thi (Mục 5) và Giấy biên nhận chuyển khoản đến địa chỉ: Trung tâm Khảo thí – Phòng 106 – Nhà A4 – Trường Đại học Ngoại ngữ – Số 2 Phạm Văn

Đồng – Cầu Giấy – TP. Hà Nội. Số điện thoại liên hệ: **02462601376/02462605797**, email: **khaothi.ulis@gmail.com**

7. Thủ tục rút hồ sơ

- Sau thời điểm hết hạn thu hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh rút hồ sơ cần xuất trình giấy tờ tùy thân (bản gốc), cuốn phiếu thu hồ sơ và lệ phí dự thi tại địa điểm đăng ký thi.
- Trước kỳ thi 05 ngày làm việc, thí sinh được hoàn trả 50% lệ phí dự thi.
- Trong vòng 05 ngày làm việc trước kỳ thi, thí sinh không được hoàn trả lệ phí dự thi.

8. Thông tin về kỳ thi

Thí sinh xem địa điểm thi, danh sách phòng thi, số báo danh và lịch thi tại Website <http://vstep.vn> trong vòng 5 ngày trước ngày thi.

***Lưu ý:** Khi đi thi, thí sinh phải mang giấy tờ tùy thân còn hiệu lực. Thí sinh không được mang vào khu vực thi: điện thoại di động, các phương tiện thu phát sóng, các vật dụng thiết bị khác, kể cả đồng hồ đeo tay..., thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

9. Định dạng bài thi và hình thức thi

- Định dạng bài thi ĐGNL tiếng Anh bậc 2 (*Phụ lục 2*)
- Định dạng bài thi ĐGNL tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 (*Phụ lục 3*)
- Định dạng bài thi ĐGNL Ngoại ngữ 6 bậc (*Phụ lục 4*).
- Hình thức thi: Kỹ năng Nói được tổ chức thi trực tiếp, các kỹ năng khác được tổ chức thi trên giấy.

10. Kết quả thi

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.
- Sau khi công bố kết quả thi, trong vòng 05 ngày làm việc Trường ĐHNN cấp giấy xác nhận điểm cho thí sinh đạt yêu cầu có đơn đề nghị xác nhận điểm (*Phụ lục 5*), sau thời hạn này Trường không cấp giấy xác nhận điểm.

11. Phúc khảo bài thi

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, thí sinh có nhu cầu phúc khảo phải gửi đơn đề nghị phúc khảo bài thi (*Phụ lục 6*) và nộp phí 100.000 VNĐ/1 kỹ năng đến Trung tâm Khảo thí- Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN trong thời hạn 03 ngày làm việc.
- Kết quả phúc khảo được công bố chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ phúc khảo.

12. Lịch phát Chứng chỉ ngoại ngữ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ

- Thí sinh nhận Chứng chỉ ngoại ngữ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ (kết quả thi ĐGNL tiếng Anh được cấp Chứng chỉ ngoại ngữ, còn các thứ tiếng khác tiếng Anh được cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường ĐHNN ký) sau 25 ngày làm việc kể từ ngày thi
- Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần (trong giờ hành chính, trừ ngày lễ, tết) trong vòng 02 tháng sau khi có Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ. Thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân (chứng minh thư ND/CCCD/ hộ chiếu) khi nhận CC/GCN. Trường hợp thí sinh nhờ người nhận hộ CC/GCN cần xuất trình Giấy ủy quyền (có xác nhận và đóng dấu đỏ của các cấp có

thẩm quyền) và nộp lại cùng Bản sao CMND (hoặc căn cước công dân/ hộ chiếu) của người ủy quyền và người được ủy quyền (*Phụ lục 7*).

- Địa điểm: tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (phối hợp thực hiện);
- Lưu: HCTH, KT, HY35.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

Phụ lục 1: Mẫu Phiếu đăng ký dự thi

Mã:

Số hồ sơ:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6 cm

Kiểu CMTND

được chụp không quá
6 tháng trước ngày
đăng kí thi

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**
Kỳ thi ngày/...../202...

Họ và tên: Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ; Dân tộc:

Ngày sinh (ngày/tháng/năm): Nơi sinh (tỉnh/TP):

Số CMND/TCC/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã số học viên/sinh viên: Lớp: Ngành:

Chương trình đào tạo: Đơn vị (Trường/Khoa):

Email: Điện thoại:

Đối tượng: ☐ SV của Trường ĐHNN-ĐHQGHN ☐ Sinh viên của ĐHQGHN
☐ Học viên SĐH của ĐHNN-ĐHQGHN ☐ Học viên SĐH của ĐHQGHN
☐ Tự do (không thuộc các đối tượng trên)

Ngoại ngữ: ☐ ANH ☐ NGA ☐ PHÁP ☐ TRUNG ☐ ĐỨC*
☐ NHẬT* ☐ HÀN* ☐ Ả RẬP* ☐ THÁI* ☐ LÀO*

* Tiếng Đức, Nhật, Hàn, Ả Rập, Thái, Lào: chỉ dành cho sinh viên chính quy trong ĐHQGHN

Trình độ: ☐ Bậc 2 ☐ Bậc 3 ☐ Bậc 4 ☐ Bậc 5 ☐ Bậc 6

Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ

XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ DỰ THI

THÍ SINH DỰ THI
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI NGÀY.../.../202..

Họ và tên: Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

Ngày sinh: Số CMND:

Lệ phí thi: Số hồ sơ:

Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ.

- Thí sinh xem thông báo về kỳ thi tại Website: <http://vstep.vn> trong vòng 05 ngày trước ngày thi.

- Lịch phổ biến quy chế thi và định dạng bài thi cho thí sinh trực tuyến trên nền tảng Zoom:h.... ngày tháng năm 202...

(Trường ĐHNN thông báo tài khoản và mật khẩu trước 01 ngày tại Website: <http://vstep.vn>)

- Trước khi vào phòng thi, thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân còn hiệu lực; không được mang tài liệu, thiết bị, dụng cụ khác, kể cả đồng hồ đeo tay. **Hội đồng thi không chịu trách nhiệm về tư trang của thí sinh.** Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, sinh viên và học viên trong ĐHQGHN (trừ TS nộp lệ phí thi 1.800.000 đ và 1.200.000 đ) cần đăng ký và nộp phí cấp chứng chỉ/ giấy chứng nhận trong vòng 03 ngày làm việc (sau thời hạn trên, TS không được đăng ký cấp CC/GCN vào bất cứ thời gian nào) tại P.106, Nhà A4, Trường ĐHNN.

Phụ lục 2: Định dạng đề thi ĐGNL tiếng Anh Bậc 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1481*/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày *10* tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn)

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Xét Biên bản thẩm định Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 6344/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn), gồm: cấu trúc đề thi, cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học Quốc gia, đại học vùng; Giám đốc học viện; Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thủ trưởng cơ sở đào tạo ngoại ngữ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thủ trưởng cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục KTKĐCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiển

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH
bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(dành cho người lớn)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1481/QĐ-BGDĐT
ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi
Đọc	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
Viết	Kiểm tra kỹ năng viết câu và mệnh đề đơn giản, viết và trả lời thư, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp.	35 phút	3 bài viết	Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.

Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	Phần 1: <i>Chào hỏi</i> Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi. Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể. Phần 4: <i>Thảo luận</i> Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.
------------	---	-----------------------------------	--------	---

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI VÀ MÔ TẢ NĂNG LỰC ỨNG VỚI ĐIỂM THI

1. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.
- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.
- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

2. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
Đạt bậc 2	> 7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu các chi tiết cơ bản như các số lớn, danh từ ghép liên quan tới các chủ đề quen thuộc như trường học hoặc mua sắm; có thể đoán nghĩa các từ vựng đơn giản trong ngữ cảnh; nhận ra thông tin được diễn giải rõ ràng theo cách khác, xác định được các kết luận chính hay lập luận trong văn bản được trình bày rõ ràng và có chủ đề quen thuộc. Thí sinh có khả năng thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản, có khả năng miêu tả và trao đổi ý kiến một cách ngắn gọn về các vấn đề cụ thể, quen thuộc trong các tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày; có thể đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, khởi đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại ngắn và đơn giản; có thể viết thư từ giao dịch hay thư từ cá nhân cung cấp thông tin hay diễn đạt những thông điệp tương đối chi tiết về các chủ đề quen thuộc. Thí sinh kiểm soát được từ ngữ cơ bản, cấu trúc đơn giản, thỉnh thoảng mắc lỗi nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

	6,5-7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, để đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc (ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ điểm quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ điểm gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.
Không đạt bậc 2	< 6,5	Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết về thời gian, số, tên riêng... trong các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc như thời gian biểu, các mẫu quảng cáo, các trao đổi hay thư từ cá nhân. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng rất hạn chế. Chiến lược giao tiếp mà thí sinh sử dụng (nếu có) chỉ ở mức đơn giản như đề nghị giám khảo nhắc lại yêu cầu hoặc câu hỏi khi không hiểu hoặc chưa hiểu rõ và diễn đạt điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ cử chỉ hoặc biểu cảm khi không thể diễn đạt bằng ngôn từ. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách rất hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,... Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản một cách hệ thống.



KI, BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Nguyễn Vinh Hiển

Phụ lục 3: Định dạng đề thi ĐGNL tiếng Anh Bậc 3-5

Bài thi	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Mục đích
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.
Viết	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.
Nói	12 phút	3 phần: Tương tác xã hội Thảo luận giải pháp Phát triển chủ đề	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.

Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5

Điểm TB	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
0 – 3,5	Không xét	Không có mô tả
4,0 – 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
6,0 – 8,0	4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
8,5 - 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.

Phụ lục 4: Định dạng bài thi ĐGNLNN

1. Đối với tiếng Nga/Pháp



Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NGHE - 15 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	Phần 1: Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	5
	Phần 2: Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	Phần 3: Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
ĐỌC-TV-NP - 30 câu - 50 phút	Phần 1: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Phần 2: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Phần 3: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Phần 4: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	Phần 5: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	Phần 6: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
VIẾT - 2 phần - 50 phút	Phần 1: Thí sinh sử dụng từ cho sẵn để viết lại câu sao cho nghĩa của câu gốc không thay đổi.	5
	Phần 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ/ 500 chữ (tiếng Hàn) về một chủ đề cho trước.	1
NÓI - 3 phần - 10 phút	Phần 1 (2-3 phút): Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	Phần 2 (2-3 phút): Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	Phần 3 (4-5 phút): Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

2. Đối với tiếng Trung

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NGHE - 20 câu - Nghe 1 lần - 3 phần	Phần 1: Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	10
	Phần 2: Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4

- ~ 25 phút

Phần 3: Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.



ĐỌC-TV-NP - 30 câu - 50 phút	Phần 1: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa/trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	6
	Phần 2: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Phần 3: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	Phần 4: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	Phần 5: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
VIẾT - 2 phần - 50 phút	Phần 1: Thí sinh sử dụng các từ cho sẵn sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.	10
	Phần 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 500 ký tự về một chủ đề cho trước.	1
NÓI - 3 phần - 10 phút	Phần 1 (2-3 phút): Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	Phần 2 (2-3 phút): Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	Phần 3 (4-5 phút): Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

Bảng quy đổi kết quả bài thi:

ĐIỂM KẾT LUẬN BÀI THI	BẬC NĂNG LỰC	TRÌNH ĐỘ
< 3.0	Không đánh giá	Không đánh giá
3.0	2	A2
4.0	3	B1
5.0	4	B2
6.5	5	C1

Phụ lục 5: Đơn xin xác nhận điểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐIỂM THI ĐGNLNN

Kính gửi: Trung tâm Khảo thí Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Họ và tên thí sinh:.....Giới tính:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Số điện thoại:Email:

Số CMTND/CC/HC :.....

Đối tượng dự thi: Thí sinh tự do Lệ phí: 1.800.000 đ

Tôi đã tham dự Kỳ thi ĐGNLNN ngày/...../202..... và có kết quả cụ thể như sau:

Số báo danh	Đọc	Nghe	Viết	Nói	Điểm TB	Đạt trình độ	Ngoại ngữ dự thi

Lý do xin xác nhận điểm thi:.....
.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị Trung tâm Khảo thí xác nhận điểm thi cho tôi.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Phụ lục 6: Đơn đề nghị phúc khảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO ĐIỂM BÀI THI

Kính gửi: Hội đồng thi ĐGNLNN theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam,
Trường Đại học Ngoại ngữ.

Họ và tên thí sinh:.....Ngày sinh:.....

Số điện thoại:Email:

Đã tham dự Kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ ngày/...../202....

Phòng thi: Số báo danh:

Ngoại ngữ (Anh / Nga / Pháp / Trung / Đức / Nhật / Hàn):

Định dạng bài thi (VSTEP.2 / VSTEP.3-5 / ĐGNLNN):

Đối tượng (SV ĐHNH / SV ĐHQGHN / học viên SDH / Tự do):Lệ phí:.....

Đề nghị phúc khảo điểm bài thi các môn sau:

STT	Môn thi	Điểm đã công bố	Môn phúc khảo (tích “ <input type="checkbox"/> ” vào ô tương ứng)
1.	Đọc		
2.	Nghe		
3.	Viết		
4.	Nói		

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

Thí sinh đề nghị phúc khảo

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Phụ lục 7: Giấy ủy quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào các văn bản hiến pháp hiện hành.

....., ngày tháng năm 202.....; chúng tôi gồm có:

I. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CMND/CC/HC: Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số điện thoại:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CMND/CC/HC: Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số điện thoại:.....

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Nhận Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ Kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày thi:...../...../202..... Số báo danh:..... Ngoại ngữ:..... Đạt bậc:.....

IV. CAM KẾT

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.

- Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

Giấy ủy quyền trên được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Nộp bản CMTND (hoặc

căn cước/ hộ chiếu) công chứng của người ủy quyền và người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền có đóng dấu xác nhận của chính quyền địa phương/ văn phòng công chứng.

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên)

.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)